



## Diễn đàn

**“Quản lý cộng đồng về tài nguyên rừng ở Việt Nam”**

**HƯỚNG TỚI SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LÂM NGHIỆP  
CỘNG ĐỒNG: BÀI HỌC KINH NGHIỆM TỪ  
THỰC TIỄN Ở VIỆT NAM**

NGUYỄN QUANG TÂN, NGUYỄN BÁ NGÃI,

TRẦN NGỌC THANH, HOÀNG HUY TUẤN

*LTS. Quản lý cộng đồng vốn là truyền thống của nhiều tộc người trên thế giới. Đến nay, hình thức quản lý này vẫn còn những giá trị thực tiễn không chỉ ở các nước kém phát triển mà ngay tại một số nước phát triển. Với Việt Nam, quản lý cộng đồng cũng được thực hiện ở nhiều lĩnh vực, nhất là trong bảo vệ và phát triển rừng. Theo nghĩa rộng, quản lý cộng đồng về tài nguyên rừng được hiểu là tất cả các hoạt động liên quan đến quản lý rừng bởi thành viên cộng đồng theo các hình thức hộ gia đình, nhóm hộ hay cộng đồng dân cư thôn.*

*Để quản lý cộng đồng phát huy hiệu quả trong bối cảnh mới, từ Số 4 năm 2011, Tạp chí Dân tộc học mở Diễn đàn thảo luận: “Quản lý cộng đồng về tài nguyên rừng ở Việt Nam”. Nhân đây, xin chân thành cảm ơn Trường Đại học Đông Anglia của Vương quốc Anh (Tiến sĩ Thomas Sikor) và RECOFTC - Trung tâm vì Con người và Rừng (Tiến sĩ Nguyễn Quang Tân - Điều phối Chương trình quốc gia của RECOFTC Việt Nam) đã chia sẻ ý tưởng và tài trợ cho Diễn đàn này. Ngân sách cho các bài báo đăng đầu tiên trong Diễn đàn được tài trợ bởi Hội đồng Nghiên cứu Xã hội và Kinh tế Anh (ESRC). Tạp chí Dân tộc học hy vọng nhận được nhiều bài viết thảo luận của bạn đọc.*

### 1. Giới thiệu

Năm 2004, luật Bảo vệ và Phát triển Rừng được Quốc hội thông qua, tạo một hành lang pháp lý cho lâm nghiệp cộng đồng (LNCĐ). Luật mới này đã tạo nên một động lực cho LNCĐ phát triển trên cơ sở những thành tựu đã đạt được từ một thập kỷ qua. Tuy nhiên, vẫn còn chưa có sự hiểu biết một cách đầy đủ về nhiều khía cạnh liên quan đến việc thực hiện LNCĐ tại địa phương, trong đó phải kể đến:

- Tính pháp lý của LNCĐ: giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất rừng cộng đồng có thực sự cần thiết cho cộng đồng không?

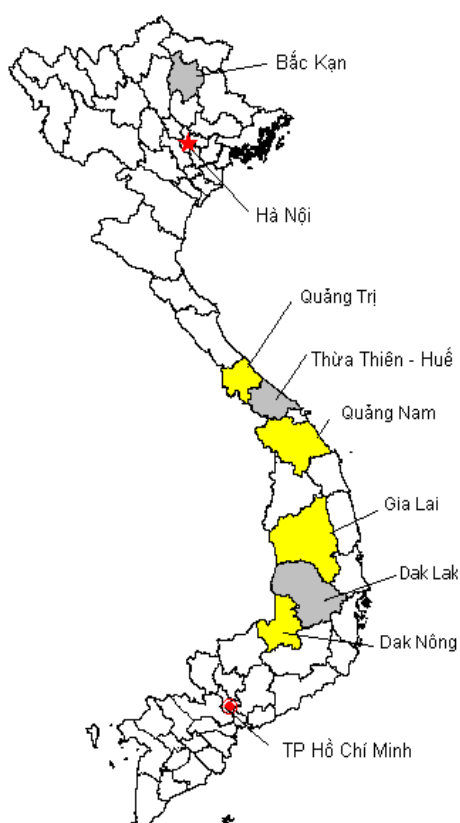
- Giảm nghèo: LNCĐ đã đáp ứng được vấn đề giảm nghèo chưa?

- Hỗ trợ bên ngoài: cần những hỗ trợ gì và mức độ như thế nào?

Đây cũng là điều mà Dự án Học hỏi về Quản trị Rừng (FGLG) Việt Nam quan tâm. Trong quá trình triển khai, Dự án đã thu thập những thông tin liên quan đến các vấn đề này. Bài viết này trình bày các phát hiện của dự án FGLG Việt Nam liên quan đến ba vấn đề kể trên. Kết quả thảo luận được dựa trên thông tin thu thập từ các chuyên tham quan tới 25 cộng đồng thuộc 7 tỉnh, trong đó phần lớn ở hai tỉnh Đắk Lắk và Thừa Thiên

Huế, hai địa bàn chính của dự án FGLG Việt Nam (xem Hình 1). Các tỉnh khác bao gồm Bắc Kạn (thuộc địa bàn của FGLG), Quảng Nam, Quảng Trị, Đắk Nông và Gia Lai. Các chuyến tham quan được thực hiện trong thời gian từ tháng 1 đến tháng 11 năm 2009. Trung bình mỗi cộng đồng một ngày, bao gồm thảo luận với dân và thăm rừng.

Hình 1. Vị trí các điểm tới thăm



Bài viết này được trình bày xoay quanh ba vấn đề nêu trên. Sau phần giới thiệu này là phần thảo luận về (lợi ích) tính pháp lý của LNCĐ. Phần tiếp theo sẽ thảo luận về các phát hiện liên quan đến vấn đề giảm nghèo ở các cộng đồng tới tham quan. Sau đó sẽ đề cập đến các vấn đề liên quan tới hỗ trợ từ bên ngoài. Cuối cùng, phần kết luận sẽ đưa ra một số ý nghĩa về mặt chính sách liên quan đến các phát hiện của dự án.

## 2. Tính pháp lý của rừng cộng đồng

Trong phần này, chúng tôi chỉ ra rằng mặc dù vẫn chưa rõ việc có quyền pháp lý đối với rừng có mối quan hệ gì với tính hiệu quả trong quản lý rừng hay không nhưng những cộng đồng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất rừng có các lợi ích rõ ràng đối với rừng mà những cộng đồng khác không có. Mặc dù trong một số trường hợp, GCNQSD đất rừng có thể không quan trọng đối với các thành viên trong cộng đồng, nhưng nó rất quan trọng khi có mâu thuẫn phát sinh và người dân phải bảo vệ quyền của họ.

▪ *Mối quan hệ giữa quyền pháp lý và hiệu quả của quản lý rừng*

Trong số những cộng đồng Dự án đến tham quan, hơn 50% đã nhận được GCNQSD đất rừng (sổ đỏ). Một số khác đang trong giai đoạn được cấp sổ đỏ. Những cộng đồng còn lại, rừng chưa được giao chính thức cho người dân. Vì vậy trong thời gian tới sẽ không có GCNQSD đất nào được cấp. Theo Luật BVPT, cộng đồng có quyền sử dụng rừng lâu dài, hưởng lợi từ đóng góp của họ, được hưởng các hỗ trợ (tài chính và kỹ thuật) từ bên ngoài và đền bù các khoản đầu tư vào rừng trong trường hợp Nhà nước thu hồi diện tích rừng của họ để phục vụ mục đích sử dụng công.

Tuy nhiên, vẫn chưa thể kết luận được liệu quyền pháp lý về rừng có góp phần quản lý rừng hiệu quả hơn không. Trong một số trường hợp, các thành viên trong cộng đồng đã xây dựng quy ước quản lý, bảo vệ rừng phục vụ mối quan tâm chung của cộng đồng. Ví dụ, ở Thôn 4, xã Thượng Quảng (Thừa Thiên Huế), người dân địa

phương đã xây dựng kế hoạch quản lý rừng và quy hoạch một diện tích rừng sản xuất do Nhà nước quy định để bảo vệ nguồn nước của thôn. Một ví dụ khác là xã Văn Minh, tỉnh Bắc Kạn, sau khi được cấp quyền sử dụng rừng, người dân thôn bản đã tổ chức bảo vệ diện tích rừng mà trước đây chính họ là người xâm phạm, lấn chiếm.

Mặc dù vậy, không phải mọi cộng đồng có quyền chính thức đối với rừng đều quản lý rừng theo cách họ nên làm. Trong nhiều trường hợp, các thành viên trong cộng đồng thường không biết thông tin về GCNQSD đất rừng bởi vì chỉ một số ít thành viên cộng đồng được tiếp cận với giấy này. Hơn nữa, bốn buôn ở huyện Lak, tỉnh Đắk Lắk đã trả lại GCNQSD đất rừng cho Nhà nước vì đã để mất rừng trong phạm vi quản lý của mình (Trần Ngọc Thanh và Trần Ngọc Đan Thùy, 2008). Trong khi đó, tại một số cộng đồng chưa được cấp GCNQSD đất rừng người dân địa phương vẫn tổ chức

quản lý tài nguyên rừng một cách bền vững. Thôn Phò Trạch ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế là một ví dụ điển hình trong trường hợp này.

▪ *Giấy CNQSD đất rừng - cơ sở pháp lý để ngăn chặn những người bên ngoài*

GCNQSD đất rừng hợp pháp có thể được coi như một cơ sở để cộng đồng ngăn những người bên ngoài đến lấn chiếm tài nguyên rừng của họ. Ở Thôn 4, huyện Nam Đông, tỉnh Thừa Thiên Huế (xem Hộp 1), người dân đã thành công trong việc ngăn những người ở thôn khác đến sử dụng tài nguyên rừng cộng đồng của thôn họ. Tiền phạt thu được được sử dụng để trả cho hoạt động tuần tra trong rừng. Hơn nữa, người dân cũng có thể thu phí từ ban quản lý rừng phòng hộ do sử dụng đất rừng cộng đồng để vận chuyển gỗ và cây con. Tại các thôn bản khác, thành viên trong cộng đồng cũng triển khai tuần tra rừng và ngăn chặn mọi hành vi sử dụng tài nguyên rừng trái phép.

### **Hộp 1: Giải quyết mâu thuẫn về sử dụng rừng tại Thôn 4, tỉnh Thừa Thiên Huế**

Thôn 4 thuộc xã Thủy Dương, tỉnh Thừa Thiên Huế. Công tác giao đất lâm nghiệp được triển khai từ năm 2005 và người dân được cấp GCNQSD đất cùng năm đó. Tuy nhiên, Ban Quản lý Rừng Phòng hộ (BQLRPH) vẫn khai thác gỗ trên diện tích rừng đã giao cho thôn bởi giấy phép khai thác do Sở NN&PTNT cấp trước khi huyện giao rừng cho thôn. Do không có điều chỉnh, sửa đổi gì đối với khu vực khai thác nên BQLRPH vẫn tiếp tục khai thác trên diện tích rừng ở Thôn 4.

Thôn yêu cầu BQLRPH chấm dứt khai thác vì rừng là tài sản của họ và người ngoài thôn không được phép sử dụng rừng nếu không có sự đồng ý của họ. BQLRPH phải thỏa thuận với người dân. Sử dụng sổ đỏ là bằng chứng cho quyền pháp lý của Nhà nước đã giao cho dân, người dân trong thôn đã thu được một khoản “lệ phí khai thác” từ BQLRPH đối với lượng gỗ còn lại mà họ còn được phép khai thác. Mặc dù không hoàn toàn ngăn chặn BQLRPH trong việc khai thác tài nguyên rừng, người dân trong thôn đã đạt được một thỏa thuận mà cả hai bên đều chấp thuận.

Trong khi đó, việc chưa có GCNQSD đất rừng đã đặt các thành viên trong cộng đồng vào thế yếu khi ngăn chặn các hành vi lấn chiếm rừng. Tại thôn Phò Trạch, tỉnh Thừa Thiên Huế, Nhà nước đã thu hồi 15 ha rừng do cộng đồng quản lý hàng trăm năm nay và giao lại cho một công ty khai thác cát. Các thành viên trong cộng đồng ở thế yếu trong việc bảo vệ và sử dụng rừng vì họ không thể chứng minh quyền hưởng dụng hợp pháp. Hơn nữa, họ không có cơ sở pháp lý để yêu cầu bồi thường khi bị thu hồi rừng (xem thêm phần sau).

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là chỉ cần có GCNQSD đất rừng là đủ để người dân địa phương ngăn chặn hành vi lấn chiếm rừng. Cộng đồng địa phương cần sự hỗ trợ của các cơ quan chức năng để tổ chức, sắp xếp lại để đưa ra quyết định mang tính tập thể nhằm ngăn chặn việc phá rừng. Khi không thực hiện được các việc này thì người dân nhận rừng ở địa phương lại có thể trở thành một nhân tố góp phần vào việc phá rừng tại địa phương. Ví dụ điển hình về tình trạng này có thể được minh họa ở 4 buôn trong huyện Lak, tỉnh Đắk Lắk. Vì người dân trong buôn không thể ngăn chặn hành vi khai thác trái phép của những người ngoài (và kể cả người trong buôn) nên họ cũng vào rừng để chiếm phần của mình, từ đó đẩy nhanh quá trình phá rừng.

▪ *Giấy CNQSD đất rừng - điều kiện tiên đề để nhận hỗ trợ bên ngoài*

Một lợi ích khác của người có GCNQSD đất rừng hợp pháp là khả năng tiếp cận các nguồn hỗ trợ bên ngoài (hỗ trợ kỹ thuật và tài chính - xem thêm phần thảo luận về hỗ trợ bên ngoài). Luật BVPT

2004 xác định rõ quyền được hỗ trợ của cộng đồng khi họ nhận rừng từ Nhà nước (Khoản 1, Điều 30). Các dự án và chương trình phát triển nông thôn cũng coi quyền hưởng dụng rừng do Nhà nước cấp là điều kiện tiên đề để hỗ trợ người dân hiệu quả. Thông qua phương pháp tiếp cận của mình, họ luôn cố gắng đảm bảo rằng nhóm mục tiêu được cấp quyền hưởng dụng rừng hợp pháp. Lý do chính là đảm bảo an toàn trong hưởng dụng rừng. Mặc dù, trong một số trường hợp, quyền hưởng dụng rừng theo luật tục địa phương có thể quan trọng hơn quyền hưởng dụng do Nhà nước cấp nhưng thông thường việc sở hữu quyền hưởng dụng hợp pháp có ảnh hưởng tới việc khai thác và đầu tư vào tài nguyên rừng. Hơn nữa, khi con người có quyền hưởng dụng rừng được đảm bảo, họ sẽ suy nghĩ nhiều hơn về tính bền vững (Schlager và Ostrom, 1992). Tại các thôn buôn đến tham quan, hoạt động hỗ trợ lâm nghiệp từ bên ngoài chỉ được thực hiện tại các thôn bản nơi người dân đã có GCNQSD đất rừng hợp pháp hoặc đang trong quá trình được cấp.

Tuy nhiên, điều đó cũng không có nghĩa là khi có GCNQSD đất rừng thì sẽ tự động có hỗ trợ bên ngoài. Ngoài ra, GCNQSD đất rừng chưa đủ điều kiện để tiếp cận nguồn vốn vay từ các tổ chức tài chính ở địa phương. Các ngân hàng thường ít chấp nhận GCNQSD đất rừng làm tài sản thế chấp vay vốn ngân hàng do họ phải chịu các chi phí giao dịch cao. Đối với cộng đồng thì việc tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng càng khó khăn hơn vì luật dân sự không công nhận cộng đồng như một chủ thể pháp lý và vì vậy họ không là đối tượng tham gia vào các giao dịch kinh doanh, thương mại.

- *Quyền được bồi thường*

Quyền hưởng dụng đất lâm nghiệp hợp pháp có ý nghĩa đặc biệt quan trọng khi nhà nước thu hồi đất. Trong trường hợp như vậy, người đứng tên trong GCNQSD đất rừng có quyền được bồi thường đối với giá trị của diện tích đất, tùy theo mức giá đất do cơ quan chức năng cấp tỉnh quy định. Nếu không có GCNQSD đất rừng, cộng đồng địa phương khó có thể yêu cầu bồi thường.

Trường hợp của thôn Phò Trạch là một ví dụ điển hình. Mặc dù người dân trong thôn tham gia quản lý gần 200ha rừng cát qua hàng thế hệ tới nay nhưng không có giấy tờ pháp lý nào công nhận quyền của họ với diện tích rừng này. Năm 2004, chính quyền địa phương thu hồi 15 trong số 200 ha rừng do thôn quản lý để giao cho một công ty khai thác cát. Công ty đã trả cho người dân một khoản tiền 47 triệu đồng để đền bù cho cây keo trồng trên diện tích đất bị thu hồi. Do chưa có giấy tờ hợp pháp chứng nhận quyền hưởng dụng rừng, người dân trong thôn không có đủ điều kiện để được đền bù một cách thích đáng từ diện tích đất bị thu hồi. Việc đền bù cây trên đất chỉ là một phần trong tổng các khoản đền bù mà người dân trong thôn có thể nhận được nếu họ có quyền hưởng dụng rừng hợp pháp. Việc tính chính xác tổng số tiền đền bù sẽ phức tạp nhưng có thể sơ bộ ước tính là sẽ không dưới 120 triệu tiền đền bù cho 15 ha đất rừng bị thu hồi<sup>1</sup>. Điều đó cho thấy, cộng đồng chỉ nhận được dưới 40% tổng số tiền mà họ có thể được đền bù nếu có GCNQSD đất rừng.

<sup>1</sup> Tính toán theo Thông tư số 145/1998-TT-BTC ngày 4/11/1998 của Bộ Tài chính và Nghị định 188/2004/ND-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ.

- *Thông tin về tài nguyên rừng*

Theo người dân địa phương, một lợi ích khác đối với việc có GCNQSD đất rừng là quyền tiếp cận thông tin liên quan đến tài nguyên rừng. Cùng với quyền hưởng dụng rừng, người dân nhận rừng ở địa phương cũng nhận được một bản phôi sơ lược tài nguyên rừng hiện có, từ đó giúp họ hiểu được các loại tài nguyên trong rừng. Hơn nữa, thông qua giao đất lâm nghiệp, người dân địa phương cũng nhận thức tốt hơn về ranh giới rừng và vị trí cụ thể của khu rừng họ được giao.

### 3. Giảm nghèo

Cho đến nay, có 3 nguồn thu chính từ rừng cộng đồng, đó là: a) gỗ cho mục đích sử dụng gia dụng (xây nhà) và trong một số trường hợp phục vụ mục đích thương mại; b) lâm sản ngoài gỗ; và c) tiền mặt thu từ các khoản phạt vi phạm hoặc bán gỗ tịch thu. Tại phần lớn các điểm đến thăm, nguồn thu nhập tiền mặt từ rừng (phạt vi phạm hoặc bán lâm sản) được sử dụng theo các ưu tiên sau:

- 1) Trả thuế và chi phí liên quan đến nguồn thu (ví dụ: khai thác và vận chuyển).
- 2) Đóng góp cho quỹ phát triển lâm nghiệp xã.
- 3) Trả công tham gia tuần tra rừng và các công việc liên quan.
- 4) Đóng góp vào quỹ cộng đồng và/hoặc xây dựng các công trình công cộng.
- 5) Chia cho các thành viên trong cộng đồng.

Việc phân bổ các lợi ích bằng hiện vật từ rừng rất khác nhau. Kế hoạch khai thác gỗ phục vụ mục đích dân sinh thường

được cộng đồng thảo luận và xem xét trước khi tiến hành khai thác. Đối với các loại lâm sản ngoài gỗ (Ví dụ: lá cây, củ rừng, trái cây và nhựa) và củ thì việc thu hái mang tính tự do hơn. Tuy nhiên, cộng đồng cũng kiểm soát trong trường hợp thu hái quy mô lớn. Ở thôn Phò Trạch, tỉnh Thừa Thiên Huế, củ là sản phẩm chính duy nhất người dân có thể lấy từ rừng. Việc thu lượm chỉ được thực hiện ở một khu vực quy định và vào những thời điểm cụ thể trong năm. Tất cả củ thu được từ rừng được chia đều cho các thành viên trong cộng đồng.

Tuy nhiên, có thu nhập từ rừng không có nghĩa là có giảm nghèo bởi giảm nghèo còn liên quan tới việc những thu nhập từ rừng được phân bổ như thế nào trong cộng đồng. Trên thực tế, tại các thôn khảo sát việc phân bổ lợi ích cho người nghèo chưa được quan tâm đúng mức. Quy ước bảo vệ rừng thôn bản không quy định ưu tiên người nghèo trong việc phân bổ lợi ích từ rừng. Ngược lại, có xu hướng ưu tiên nhiều hơn cho nhóm người có quyền lực trong cộng đồng trong việc phân bổ lợi ích từ rừng. Ví dụ ở một điểm dự án tới thăm, khi phân chia tiền bán gỗ cho các thành viên

trong cộng đồng, thành viên ban quản lý rừng thôn bản, tổ trưởng và tổ phó tổ tuần tra rừng nhận được nhiều tiền hơn các thành viên khác trong cộng đồng. Cụ thể là trưởng ban quản lý rừng thôn bản nhận được 140% so với người dân trong cộng đồng, các thành viên khác của BQL nhận được 130%, tổ trưởng tổ tuần tra nhận 120% và tổ phó nhận 110%.

Mặt khác, cũng có những trường hợp người nghèo được ưu tiên quan tâm. Tại buôn T'Ly, tỉnh Đắk Lắk, hộ gia đình nghèo được ưu tiên khi phân bổ tiền bán gỗ của thôn (xem Hộp 2).

Kết quả thảo luận tại hiện trường cho thấy cần quan tâm đến các nội dung sau đây để đảm bảo lâm nghiệp cộng đồng quan tâm hơn nữa tới người nghèo:

- *Mang tính đại diện hơn trong cơ cấu quản lý rừng thôn bản*: nghèo không chỉ đơn thuần về vật chất mà còn về tiếng nói và tính đại diện. Để người nghèo trở nên mạnh hơn, điều quan trọng là họ được ưu tiên lựa chọn tham gia vào cơ cấu quản lý (rừng) của thôn.

### Hộp 2: Phân bổ lợi ích từ khai thác gỗ thương mại tại buôn T'Ly

Buôn T'Ly thuộc huyện Ea H'leo tỉnh Đắk Lắk được biết đến ở Việt Nam như là một điển hình về khai thác gỗ thương phẩm từ rừng tự nhiên bởi người dân địa phương. Tháng 8/2006, người dân buôn T'Ly khai thác 368m<sup>3</sup> gỗ tròn từ khu rừng được giao. Lượng gỗ này được bán với giá 616 triệu đồng. Sau khi trừ các khoản thuế và phí liên quan đến khai thác, số tiền người dân thu được là 283 triệu đồng.

Số tiền này được sử dụng để trang trải chi phí bảo vệ rừng và đóng góp vào quỹ phát triển cộng đồng của buôn. Các hộ nghèo trong buôn cũng được hưởng lợi từ nguồn thu nhập này. Buôn trích ra 20 triệu đồng cho năm hộ nghèo vay vốn phát triển kinh tế hộ. Phần còn lại được gửi vào tài khoản tiết kiệm tại ngân hàng.

▪ *Xây dựng năng lực phù hợp cho người nghèo*: người nghèo cần được ưu tiên tham gia vào các sự kiện tăng cường năng lực. Điều đó sẽ đặc biệt hữu ích cho người nghèo tham gia trong cơ cấu quản lý rừng thôn. Cần áp dụng các phương pháp truyền thông thích hợp để đảm bảo người nghèo có thể hiểu được ngôn ngữ và nội dung đào tạo.

▪ *Đất canh tác dành cho người nghèo*: cần ưu tiên hỗ trợ những hộ nghèo thiếu đất sản xuất, cho họ sử dụng đất trống và đất chưa sử dụng trong diện tích đất lâm nghiệp để sản xuất nông nghiệp.

▪ *Gỗ làm nhà*: cần ưu tiên người nghèo khai thác gỗ để xây nhà mới. Ngoài ra, cộng đồng cần hỗ trợ những hộ gia đình nghèo trong việc khai thác, vận chuyển và xây dựng nhà mới.

▪ *Các lợi ích khác từ rừng*: ngoài quyền lợi được lấy gỗ làm nhà và đất canh tác, cần phân biệt đối xử ưu đãi các hộ gia đình nghèo trong việc phân bổ các lợi ích khác từ rừng như củi và lâm sản ngoài gỗ. Hộ nghèo cũng được ưu tiên tham gia tuần tra rừng (khi họ có thời gian) để có thêm thu nhập.

#### 4. Hỗ trợ bên ngoài

Kinh nghiệm thực tế tại hiện trường cho thấy cộng đồng địa phương cần những hình thức hỗ trợ bên ngoài sau đây để quản lý và hưởng lợi ích từ tài nguyên rừng (xem thêm Nguyễn Quang Tân và cộng sự, 2008):

▪ *Hỗ trợ thể chế*: Có lẽ đây là hình thức hỗ trợ quan trọng nhất đối với cộng đồng địa phương để xây dựng và vận hành một cơ cấu quản trị rừng hợp lý. Trong phần lớn các trường hợp, cộng đồng có khả năng quản lý rừng tốt. Điều cần hỗ trợ ở đây là một cán bộ hỗ trợ có năng lực để giúp người

dân tự tổ chức, xây dựng cơ cấu, quy chế cần thiết và đưa vào áp dụng trong thực tiễn. Ngoài ra cũng cần tập trung hỗ trợ nâng cao năng lực cần thiết cho cộng đồng trong việc xây dựng, thực hiện, giám sát và đánh giá kế hoạch phát triển rừng thôn bản.

▪ *Hỗ trợ pháp lý*: Hỗ trợ pháp lý là cần thiết để thực hiện quyền lợi và trách nhiệm đối với rừng. Thôn với CFM truyền thống cần được luật pháp công nhận quyền hưởng dụng rừng để bảo vệ họ trong trường hợp có mâu thuẫn xảy ra. Nhìn chung, giáo dục luật pháp là rất cần thiết đối với mọi bên liên quan trong thôn để giúp họ hiểu biết về quyền lợi và nhiệm vụ đối với rừng và họ cần tham vấn ở đâu về những nội dung gì. Người dân cần được hỗ trợ trong việc ngăn chặn các hành vi sử dụng rừng trái phép. Điều quan trọng nhất là khi có thể khai thác gỗ, cộng đồng cần hỗ trợ làm các thủ tục cần thiết để có giấy phép khai thác gỗ, chứng nhận nguồn gốc gỗ và bán gỗ trên thị trường.

▪ *Hỗ trợ kỹ thuật*: Trong quá trình thực hiện kế hoạch phát triển rừng, người dân địa phương cần được đào tạo về phát triển, khai thác và chế biến gỗ và lâm sản ngoài gỗ. Điều quan trọng là ngôn ngữ và phương pháp đào tạo phải phù hợp với trình độ kiến thức và văn hóa của người dân địa phương.

▪ *Hỗ trợ tài chính*: Hỗ trợ tài chính được cần đến khi người dân muốn đầu tư vào rừng. Vì GCNQSD đất rừng không đủ để vay vốn, người dân địa phương cần một tổ chức đỡ đầu đứng ra làm vai trò bảo lãnh để vay vốn. Hỗ trợ tài chính có thể theo hình thức như tiền quỹ để khởi động quỹ phát triển thôn bản (nếu chưa có). Hơn nữa, hỗ trợ tài chính cần bao gồm hoạt động xây dựng năng lực quản lý tài chính cho người dân địa phương.

### **Hộp 3: Hỗ trợ bên ngoài trong việc quản lý rừng ở buôn T'Ly, tỉnh Đắk Lắk**

Sau khi chương trình giao đất, giao rừng kết thúc, một dự án phát triển nông thôn do CHLB Đức tài trợ đã hỗ trợ cho người dân buôn T'Ly thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Hỗ trợ tập trung vào việc phát triển và thực hiện quy chế bảo vệ và phát triển rừng của buôn. Cho tới nay, buôn đã bắt giữ 48 vụ khai thác và vận chuyển gỗ trái phép. Các cuộc họp buôn được thực hiện định kỳ (mỗi tháng 1-2 lần) để thảo luận các chủ đề liên quan đến quản lý rừng. Ngoài ra, người dân trong buôn vi phạm quy chế đã bị khiển trách trong buôn. Gần đây, buôn đã được hỗ trợ trong việc xin phép khai thác 368m<sup>3</sup> gỗ tròn, đóng búa kiểm lâm và bán đấu giá tự do lượng gỗ này (xem thêm Hộp 2).

Cần lưu ý rằng hỗ trợ bên ngoài không nhất thiết là hỗ trợ quốc tế. Hỗ trợ có thể từ các cơ quan nhà nước cấp trung ương và cấp tỉnh hoặc các công ty tư nhân hoạt động tại địa phương. Thực tế, hỗ trợ bên ngoài từ các dự án quốc tế tại buôn T'Ly (Đắk Lắk) hoặc Thôn 6 (Đắk Nông) sẽ không thể thành công nếu không có sự hợp tác và hỗ trợ của các cơ quan chức năng ở địa phương.

Kết quả từ các hoạt động của Dự án cho thấy hỗ trợ bên ngoài có thể đóng vai trò rất quan trọng trong công tác quản lý rừng của cộng đồng, đặc biệt là tại các thôn bản có mô LNCD mới. Người dân địa phương có xu hướng tham gia vào quản lý rừng và được hưởng lợi ích từ nguồn tài nguyên rừng ở địa phương khi các cơ quan nhà nước và các tổ chức cung cấp dịch vụ khác bên ngoài đáp ứng đầy đủ nhu cầu cần được hỗ trợ của họ. Các thôn với mô hình quản lý rừng cộng đồng mới thường không đạt được mục tiêu đề ra về bảo vệ rừng và cải thiện sinh kế nếu không có sự hỗ trợ đầy đủ từ bên ngoài để xây dựng năng lực và duy trì thực hiện các quyền lợi cũng như nhiệm vụ mới được giao. Ví dụ, người dân có thể gặp khó khăn

trong quá trình thực hiện các quyền mới của mình trước các nhóm người khác có cùng mối quan tâm đến diện tích rừng được giao. Hỗ trợ từ cơ quan chức năng ở địa phương sẽ tạo điều kiện cho những chủ rừng hợp pháp bảo vệ rừng cộng đồng từ các hoạt động sử dụng trái phép.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng hỗ trợ nên được thực hiện ở mức độ hợp lý. Quá ít hoặc không có hỗ trợ thì không tốt cho cộng đồng. Tương tự, quá nhiều hỗ trợ cũng có thể không tốt cho cộng đồng vì sẽ tạo cho cộng đồng tư tưởng ỷ lại, phụ thuộc vào hỗ trợ bên ngoài. Điều đó còn thậm chí tệ hơn là không có hỗ trợ. Tuy nhiên, khó có thể xác định mức độ hỗ trợ như thế nào là phù hợp. Tốt nhất là hỗ trợ bên ngoài đóng vai trò huy động nội lực trong cộng đồng và hỗ trợ sử dụng hiệu quả nội lực để quản lý rừng cộng đồng. Hỗ trợ không phải để thay các nguồn lực hiện có của cộng đồng.

### **5. Tóm tắt và ý nghĩa chính sách**

Bài viết này thảo luận các kết quả từ hoạt động tham quan hiện trường của dự án Học hỏi về Quản trị Rừng (FGLG) Việt Nam về các lĩnh vực sau:

- *Tính pháp lý của LNCĐ*: giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất rừng cộng đồng có thực sự cần thiết cho cộng đồng không?

- *Giảm nghèo*: LNCĐ đã đáp ứng được vấn đề giảm nghèo chưa?

- *Hỗ trợ bên ngoài*: cần những hỗ trợ gì và mức độ như thế nào?

Phần thảo luận trong bài chỉ ra rằng mặc dù vẫn chưa rõ việc có quyền pháp lý đối với rừng có mối quan hệ gì với tính hiệu quả trong quản lý rừng hay không nhưng những cộng đồng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng có các lợi ích rõ ràng đối với rừng mà những cộng đồng khác không có. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng rất quan trọng khi có mâu thuẫn phát sinh và người dân phải bảo vệ quyền của họ. Báo cáo cũng chỉ ra rằng rừng cộng đồng đã tạo thu nhập cho người dân ở các điểm đến thăm nhưng tác động lên việc giảm nghèo vẫn còn khiêm tốn. Tuy nhiên, ở một số cộng đồng đã có sự ưu tiên cho người nghèo.

Để LNCĐ hoạt động có hiệu quả, cần nhiều loại hình hỗ trợ khác nhau. Cho tới nay, hỗ trợ từ bên ngoài đã góp phần tích cực cho sự thành công của LNCĐ. Tuy nhiên cần lưu ý rằng hỗ trợ quá mức có thể sẽ tạo xu hướng phụ thuộc trong cộng đồng.

Mặc dù vẫn còn có vấn đề trong việc thực hiện LNCĐ ở cấp thôn, LNCĐ đang trong một quá trình phát triển ở Việt Nam. Luật BVPTTR đã tạo một cơ sở cho sự phát triển này. Các mô hình về LNCĐ ở hiện trường đang đóng góp những bài học bổ ích cho việc hoàn thiện bộ khung chính sách. Dựa trên những thảo luận ở trên, chúng tôi xin đưa ra một số đề xuất sau:

▪ *Giao quyền pháp lý về lâm nghiệp cộng đồng*: Kinh nghiệm đúc kết được qua quá trình triển khai thực hiện dự án đã thể hiện rõ rằng cộng đồng địa phương có thể bị thiệt thòi nếu không có quyền hưởng dụng hợp pháp đối với diện tích rừng của họ. Vì vậy, cần cấp quyền hưởng dụng hợp pháp (giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) cho cộng đồng để quản lý rừng theo hình thức lâm nghiệp cộng đồng. Quyền hưởng dụng hợp pháp như vậy thực sự hữu ích cho cộng đồng để bảo vệ quyền lợi và nguồn vốn đầu tư trên diện tích rừng được giao khi có mâu thuẫn hoặc tranh chấp. Hơn nữa, khi Việt Nam áp dụng cơ chế chi trả dịch vụ môi trường rừng (PES) trên diện rộng, GCNQSD đất rừng có thể giúp cộng đồng dân cư hưởng lợi từ nguồn tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng. Tương tự như vậy, cộng đồng có GCNQSD đất rừng hợp pháp cũng có thể nhận được nguồn tiền thu được từ cơ chế Giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng (REDD+) trong tương lai.

▪ *Giảm nghèo*: Để LNCĐ có thể góp phần giảm nghèo, cần có sự ưu ái cho người nghèo trong việc phân chia nguồn lợi từ rừng. Họ cũng cần được ưu đãi hơn để tiếp cận với các hoạt động tăng cường năng lực, hỗ trợ phát triển và các dịch vụ công cộng để thu hẹp hoặc ít nhất là duy trì khoảng cách giữa người nghèo và người giàu. Ngoài ra, cần quan tâm để có đại diện thích hợp của nhóm người nghèo trong cơ cấu của thôn bản để đảm bảo tiếng nói của họ được các bên liên quan lắng nghe. Cần có cơ sở hạ tầng kinh tế cần thiết (Ví dụ: tín dụng, tiếp cận thị trường) cho các cộng đồng địa phương.

▪ *Hỗ trợ bên ngoài phù hợp*: Hỗ trợ bên ngoài để nâng cao năng lực cho người dân địa phương là điều thiết yếu trong việc đảm bảo sự thành công của LNCD. Tuy nhiên, hỗ trợ không thích hợp có thể không tốt cho tiến trình LNCD và có nguy cơ dẫn đến sự “phụ thuộc”. Do vậy, những hỗ trợ cho LNCD cần tác động trực tiếp tới việc nâng cao năng lực cho người dân địa phương để họ là người chủ và tác nhân thúc đẩy việc thực hiện LNCD. Hỗ trợ bên ngoài cần huy động các nguồn lực hiện có trong cộng đồng và phát triển chứ không thay thế các nguồn lực này.

### Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Quang Tân, Yurdi Yasmi, Trần Ngọc Thanh, và Hoàng Huy Tuấn (2008), “Quản lý rừng cộng đồng cho ai? Những kinh nghiệm từ thực tiễn tại Việt Nam”, *Tờ tin chính sách FGLG Việt Nam*, Số 1 (4/2008).
2. Schlager, E. và E. Ostrom (1992), “Cơ chế quyền sở hữu và tài nguyên thiên nhiên: phân tích khái niệm”, *Kinh tế Đất* 68 (8/1992), tr. 249-262.
3. Trần Ngọc Thanh và Trần Ngọc Đan Thùy (2008), “Báo cáo Đánh giá tình trạng phá rừng ở thôn Năm, Dumah, Tlông và Đung - xã Dak Phoi, huyện Lak, tỉnh Đắk Lắk”, FGLG Việt Nam.



Lễ cúng Thần rừng của người Hà Nhì (tỉnh Lào Cai)

Ảnh: CTV